

UBND PHƯỜNG MŨNG CÁI 3
TRƯỜNG MẦM NON MŨNG CÁI 3



BẢNG CÔNG KHAI THỰC PHẨM HÀNG NGÀY

(Ngày 14 tháng 01 năm 2026)

Sĩ số: 749 trẻ (Trung tâm: 402; Hải Đông: 347 trẻ)

Tiền ăn: 23,520đ

STT	Tên thực phẩm	Đơn giá (đ)	Đơn vị tính	Tổng cộng		Điểm Trung tâm		Điểm Hải Đông	
				Số lượng	Thành tiền (đ)	Số lượng	Thành tiền (đ)	Số lượng	Thành tiền (đ)
Nhóm đi chợ					13.063.000		7.056.500		6.006.500
1	Bí xanh	35.000	Kg	22	770.000	12	420.000	10	350.000
2	Đậu xanh bỏ vỏ	50.000	Kg	2	100.000	1,5	75.000	0,5	25.000
3	Gừng tươi	60.000	Kg	1.4	84.000	0,8	48.000	0,6	36.000
4	Hành khô	60.000	Kg	0.6	36.000	0,3	18.000	0,3	18.000
5	hành lá	45.000	Kg	1.3	58.500	0,8	36.000	0,5	22.500
6	Hạt sen	200.000	Kg	2	400.000	1,1	220.000	0,9	180.000
7	Rau mùi	85.000	Kg	0.7	59.500	0,5	42.500	0,2	17.000
8	Rau mùi tàu	60.000	Kg	0.9	54.000	0,6	36.000	0,3	18.000
9	Thịt gà	130.000	Kg	47.7	6.201.000	25	3.250.000	22,7	2.951.000
10	Thịt lợn nạc	130.000	Kg	20	2.600.000	10,5	1.365.000	9,5	1.235.000
11	Tim lợn	370.000	Kg	5	1.850.000	2,8	1.036.000	2,2	814.000
12	Xương lợn	85.000	Kg	10	850.000	6	510.000	4	340.000
Nhóm xuất kho					4.552.000		2.398.000		2.154.000
1	Gạo tẻ	20.000	Kg	72.6	1.452.000	38,6	772.000	34	680.000
3	Nước mắm Nam Ngư	70.000	Lít	0.9	63.000	0,5	35.000	0,4	28.000
4	Muối iốt tinh	15.000	Kg	0.8	12.000	0,4	6.000	0,4	6.000
5	Dầu ăn meizan	60.000	Kg	2.5	150.000	1,5	90.000	1	60.000
6	Sữa Meta Care Kinder	230.000	Kg	12.5	2.875.000	6,5	1.495.000	6	1.380.000
Tổng chi					17.615.000		9.454.500		8.160.500
Tổng thu					17.616.480		9.455.040		8.161.440
Thừa (Thiếu)					1.480		540		940

7

749 23.520
402
347